

VAI TRÒ VÀ QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA PHỤ NỮ KIÊN GIANG TRONG GIA ĐÌNH THỜI KỲ MỚI

LÂM LỆ HÀ, THÁI THỊ DUY NGÂN*

Tóm tắt: Kết quả điều tra, khảo sát từ đề tài cấp tỉnh “Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nâng cao vai trò của phụ nữ Kiên Giang trong gia đình thời kỳ mới” do Hội LHPN tỉnh Kiên Giang thực hiện năm 2019 cho thấy vai trò của phụ nữ trong gia đình đã được khẳng định trong các công việc như: là người đảm nhiệm chính công việc nhà, quản lý tài chính trong gia đình, tham gia các hoạt động cộng đồng; dạy con, kết nối tình cảm giữa các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên, những quyết định lớn trong gia đình như đứng tên chủ hộ hay đứng tên giấy tờ nhà đất, tỷ lệ người chồng quyết định chính cao hơn vợ rất nhiều. Nghiên cứu cũng cho thấy, có sự khác nhau về vai trò và quyền quyết định của phụ nữ ở từng nhóm phụ nữ khác nhau như phụ nữ nông dân, phụ nữ công nhân, phụ nữ công chức/viên chức. Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở quan trọng cho việc đề xuất giải pháp xây dựng tài liệu tập huấn bồi dưỡng phù hợp với các đối tượng phụ nữ nhằm nâng cao vai trò và quyền quyết định của phụ nữ Kiên Giang trong gia đình thời kỳ mới.

Từ khóa: Phụ nữ; vai trò của phụ nữ; quyền quyết định của phụ nữ

Abstract: It is showned in the research result at provincial level on “Research and propose solutions to enhance Kien Giang women’s role in family in the new era”, conducted by Kien Giang Women’s Union in 2019, that women’s role in family is determined in: doing housework, managing family budget, participating in community activities, parenting, emotionally connecting family members. However, important decisions in family such as naming head of the household or housing ownership papers are mainly made by the husband. The research also shows that there are differences regarding role and right to decide of women farmers, women workers, women officials. The research result is an important basis to propose training materials compilation targeting Kien Giang women groups in order to enhance their role and right to decide in family in the new era.

Keywords: women; women’s role; women’s right to decide

* Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Kiên Giang

1. Đặt vấn đề

Phụ nữ có vai trò quan trọng trong gia đình, ngoài xã hội, vừa là người lao động, người công dân, vừa là người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Vấn đề phụ nữ và gia đình luôn được Đảng, Nhà nước đặc biệt coi trọng, trong nhiều nhiệm kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã nhấn mạnh: “Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội”, đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII nêu rõ: “Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam... Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh”. Vai trò của phụ nữ được đề cập tại Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) và Ban Bí thư (khóa XII) ban hành Chỉ thị 21-CT/TW ngày 20 tháng 1 năm 2018 về “tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới” đề ra nhiệm vụ trọng tâm là tuyên truyền sâu rộng trong xã hội nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về vai trò, vị trí, tiềm năng to lớn của phụ nữ; xây dựng người phụ nữ Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới; phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt nam, góp phần xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh.

Kiên Giang là một tỉnh nằm ở phía Tây Nam của tổ quốc, thuộc đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội khá nhanh, dân số trên 1,7 triệu người, phụ nữ chiếm 49,74% dân số và 41,73% lực lượng lao động trong tỉnh. Trong những năm qua, Kiên Giang đã có nhiều chương trình, đề án, kế hoạch về công tác phụ nữ và công tác gia đình nhằm khơi dậy tiềm năng nguồn nhân lực nữ, tạo điều kiện để phụ nữ thể hiện tốt được vai trò và trách nhiệm của người vợ, người mẹ trong gia đình, góp phần đáng kể vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, sự đóng góp của phụ nữ chưa được ghi nhận một cách xứng đáng, tương xứng với vị trí, vai trò của họ trong nền kinh tế, trong các quan hệ xã hội và trong đời sống gia đình. Các chính sách hỗ trợ phụ nữ và gia đình, các nghiên cứu cung cấp luận cứ khoa học xây dựng, triển khai chính sách dành cho phụ nữ và gia đình trên địa bàn tỉnh Kiên Giang cũng như trong nước còn ít và chưa cụ thể. Do đó việc khảo sát thực trạng vai trò và quyền quyết định của phụ nữ Kiên Giang trong gia đình thời kỳ mới là cơ sở quan trọng góp phần đánh giá đúng vai trò của phụ nữ và các yếu tố tác động đến vai trò phụ nữ trong xây dựng gia đình, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nâng cao vai trò của phụ nữ Kiên Giang.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện phỏng vấn bảng hỏi trên 600 phụ nữ ở 3 nhóm ngành nghề: Phụ nữ nông dân, phụ nữ công nhân, phụ nữ là công chức/viên chức. Ngoài phiếu điều tra thực tiễn, để tài thu thập thông tin thứ cấp, thông qua nghiên cứu tài liệu, báo cáo trong 5 năm (2013-2018) về công tác gia đình, công tác bình đẳng giới; phòng chống bạo lực gia đình; công tác tuyên truyền giáo dục về phẩm chất đạo đức của phụ nữ trong thời kỳ mới; tài liệu hướng dẫn kiến thức, kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình cho phụ nữ trên địa bàn tỉnh, thời gian qua tại các đơn vị Sở Văn hóa - Thể thao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và 5 đơn vị Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện.

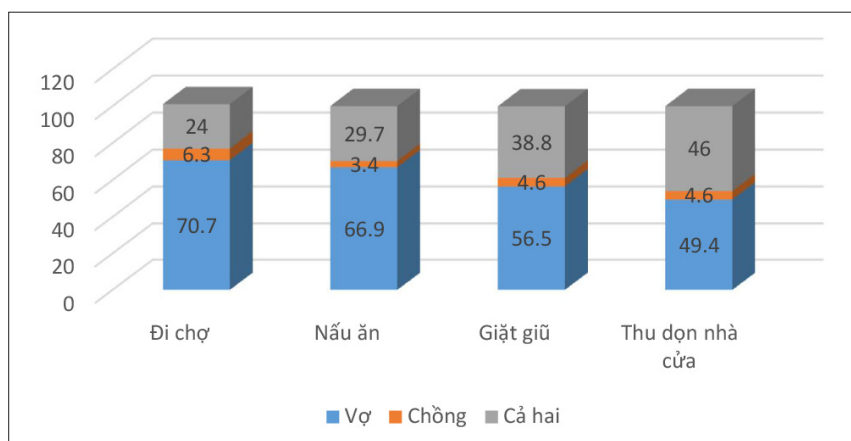
3. Kết quả khảo sát

3.1. Vai trò của phụ nữ trong gia đình

3.1.1. Vai trò của phụ nữ trong việc thực hiện các công việc nhà

Phần lớn phụ nữ được hỏi cho rằng, trong các công việc thực hiện hàng ngày, liên quan đến việc ăn, mặc như: đi chợ, nấu ăn, giặt giũ, thu dọn nhà cửa, họ là người thực hiện chính, người chồng là người làm chính chiếm tỷ lệ rất thấp, sự chia sẻ trách nhiệm của hai vợ chồng cùng nhau làm nhiều nhất ở công việc thu dọn nhà cửa.

Điều đó nói lên một thực tế rằng: công việc gia đình đang là một trong những gánh nặng đặt lên vai của phụ nữ. Trong khi phải dành khá nhiều thời gian cho các công việc khác thì phụ nữ vẫn quan niệm rằng mình có nhiều thời gian nhàn rỗi hơn so với chồng. Mặc dù trong phạm vi cuộc điều tra này không đề cập đến nhưng qua kết quả nghiên cứu khác (Tổng cục Thống kê, 2016) cũng cho thấy: thời gian lao động sản xuất kinh doanh của phụ nữ không chênh lệch quá nhiều so với nam giới, trong khi đó, thời gian làm công việc nội trợ của phụ nữ lại chênh lệch đáng kể so với nam giới; Trung bình một ngày, dân số nữ từ 15 tuổi trở lên dành 4,85 giờ để tham gia lao động sản xuất kinh doanh, chênh lệch 0,06 giờ/ngày so với thời gian lao động sản xuất kinh doanh của dân số nói chung (số giờ lao động sản xuất kinh doanh trung bình của dân số nói chung là 4,91 giờ/ngày); Số giờ làm công việc nội trợ trung bình 1 ngày trên thực tế của dân số nữ từ 15 tuổi trở lên là 2,06 giờ/ngày chênh lệch tới 0,6 giờ/ngày so với thời gian nội trợ trung bình của dân số nói chung (số giờ nội trợ trung bình của dân số nói chung là 1,46 giờ/ngày).



Biểu 1: Người thực hiện chính các công việc nhà trong gia đình (tỷ lệ %)

Trong ba nhóm khảo sát, nhóm phụ nữ nông dân thực hiện công việc nhà nhiều hơn, tiếp đến là nhóm công nhân và nhóm phụ nữ đang là công chức/viên chức thực hiện công việc nhà ít nhất. Kết quả này cũng đồng nghĩa với việc trong các gia đình có vợ là công chức có sự chia sẻ về trách nhiệm của người chồng nhiều hơn so với 2 nhóm còn lại trong thực hiện công việc nhà, (trong gia đình có vợ là công chức/viên chức tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng

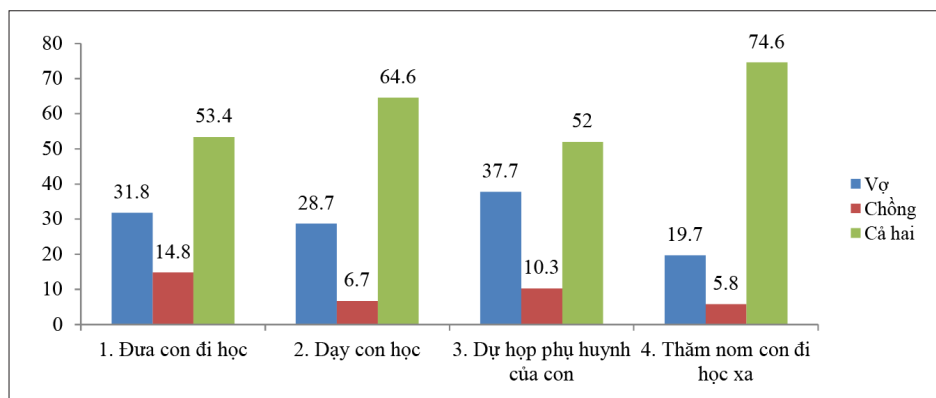
thực hiện công việc đi chợ chiếm 43%, nấu ăn 50.6%, giặt giũ 50.6%, thu dọn nhà cửa 59.6% trong khi đó tỷ lệ này tương ứng ở gia đình có vợ là nông dân là 13.1%, 14.6%, 11.8%, 28.3% và gia đình có vợ là công nhân 16%, 24%, 54% và 50%.

Bảng 1: Người thực hiện chính các công việc nhà trong gia đình xét theo nhóm nghề nghiệp (tỷ lệ %)

Công việc	Phụ nữ nông dân			Phụ nữ công nhân			Phụ nữ công chức/viên chức		
	Vợ	Chồng	Cả hai	Vợ	Chồng	Cả hai	Vợ	Chồng	Cả hai
1. Đi chợ	83.3	3.5	13.1	82.0	2.0	16.0	46.7	13.3	43.0
2. Nấu ăn	83.33	2.16	14.6	74.0	2.0	24.0	43.3	6.0	50.6
3. Giặt giũ	86.16	1.9	11.8	41.0	5.0	54.0	42.4	7.0	50.6
4. Thu dọn nhà cửa	70.1	1.5	28.3	43.0	7.0	50.0	35.0	5.3	59.6

3.1.2. Vai trò phụ nữ với việc dạy con học

Phụ nữ luôn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nuôi dạy con, dù ở vị trí nào phụ nữ vẫn là người chăm lo việc học tập, giáo dục con trong gia đình. Kết quả cho thấy, người chăm lo việc học tập của con xếp theo tỷ lệ thực hiện cao nhất là cả hai vợ chồng, rồi đến vợ, tỷ lệ chồng thực hiện thấp nhất. Ở tất cả các công việc liên quan đến việc dạy con học thì tỷ lệ người vợ là người thực hiện chính cao gấp 3 lần so với người chồng.



Biểu 2: Người thực hiện chính việc dạy con học

Kết quả ở bảng 2 cho thấy, có sự khác nhau rất rõ trong việc thực hiện các công việc liên quan đến việc học của con ở các nhóm phụ nữ khác nhau. Ở hầu hết các công việc liên quan đến dạy dỗ và việc học của con thì tỷ lệ phụ nữ nông dân làm chính nhiều hơn ở hai nhóm còn lại. Ở 3 nhóm khảo sát có sự khác nhau về sự chia sẻ công việc này, cụ thể ở nhóm phụ nữ nông dân thì tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng thực hiện việc đưa đón và thăm nom khi con đi học xa nhiều hơn; ở gia đình có vợ làm công nhân thì tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng làm chính việc dạy con học nhiều hơn. Việc dạy con được cả hai vợ chồng cùng thực hiện phổ biến hơn ở các

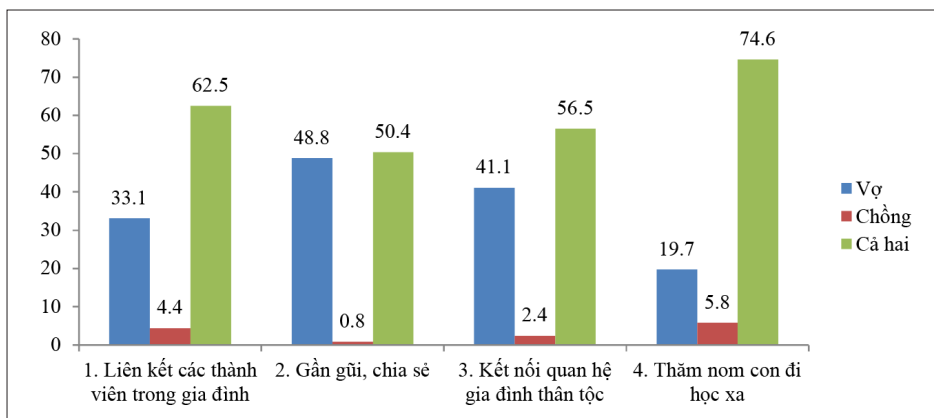
gia đình có vợ là công chức/viên chức và dường như giữa vợ và chồng ở các gia đình này có sự bình đẳng hơn ở 2 nhóm phụ nữ còn lại. Điều đó cho thấy ở nhiều gia đình có vợ là công chức/viên chức không coi công việc này là hoàn toàn của phụ nữ.

Bảng 2: Người thực hiện chính việc dạy con học xét theo nhóm nghề nghiệp (tỷ lệ %)

Công việc	Phụ nữ nông dân			Phụ nữ công nhân			Phụ nữ công chức/ viên chức		
	Vợ	Chồng	Cả hai	Vợ	Chồng	Cả hai	Vợ	Chồng	Cả hai
1. Đưa con đi học	33.3	6.5	60.2	41.0	15.0	44.0	21.0	23.0	56.0
2. Dạy con học	42.0	4.1	53.9	21.0	6.0	73.0	23.0	10.0	67.0
3. Dự họp phụ huynh của con	46.0	8.0	46.0	38.0	13.0	49.0	29.0	10.0	61.0
4. Thăm nom con đi học xa	17.0	5.3	7.7	24.0	4.0	72.0	18.0	8.0	74.0

3.1.3. Vai trò của phụ nữ trong việc thực hiện chức năng tâm lý, tình cảm trong gia đình

Gia đình có chức năng đặc thù mà không một thiết chế xã hội nào có được - là thoả mãn nhu cầu tâm lý và tình cảm cho các thành viên trong gia đình. Gia đình là tổ ấm để không chỉ tái tạo lại sức lao động mà quan trọng hơn, đó là nơi sẻ chia tình yêu thương, trách nhiệm, cảm thông, khích lệ và hỗ trợ lẫn nhau làm tròn bổn phận gia đình và trách nhiệm xã hội. Chính bởi tình cảm yêu thương và trách nhiệm của mỗi thành viên mà gia đình trở thành điểm tựa, là động lực thôi thúc, là nguồn cổ vũ to lớn cho mỗi người vượt qua những thử thách, khó khăn, khủng hoảng, thất bại hay sức ép căng thẳng từ học tập, lao động sản xuất, phát triển sự nghiệp. Số liệu biểu 3 cho thấy, tỷ lệ cả hai vợ chồng là người thực hiện chính việc kết nối tình cảm giữa các thành viên trong gia đình chiếm tỷ lệ cao hơn (62.5%), tiếp đến là người vợ (33.1%), còn người chồng thực hiện là không đáng kể (4.4%). Điều này cho thấy, trong các gia đình ở Kiên Giang hiện nay, phụ nữ không chỉ là người có vai trò chính trong thực hiện các công việc gia đình, dạy con học mà họ còn là người chủ yếu gắn kết các thành viên trong gia đình.



Biểu 3: Người thực hiện chính việc thực hiện chức năng tâm lý, tình cảm trong gia đình (tỷ lệ %)

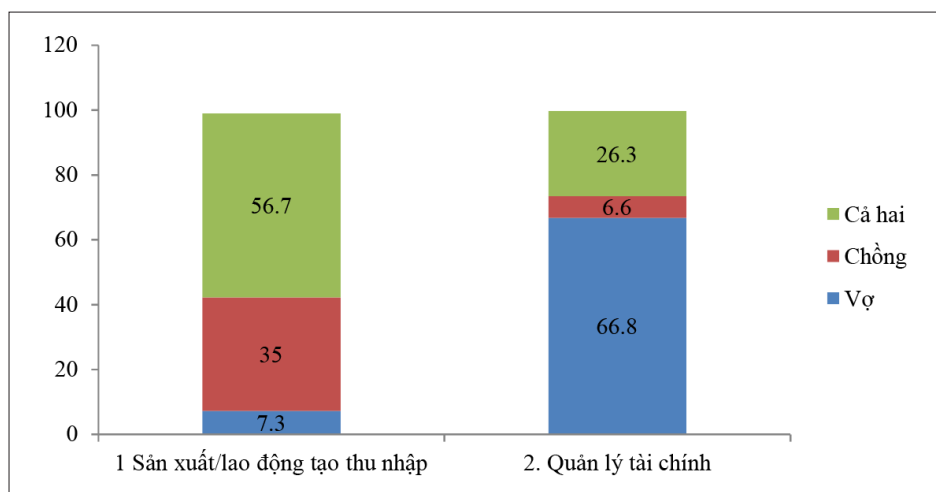
Gần như không có sự khác biệt giữa các gia đình ở 3 nhóm khách thể khảo sát trong thực hiện chức năng tâm lý tình cảm trong gia đình. Tuy nhiên, ở cả 3 nhóm khảo sát, người vợ là người chịu trách nhiệm chính gắn gũi chia sẻ, liên kết các thành viên, người kết nối quan hệ gia đình thân tộc; các ông chồng ít đảm nhiệm công việc này.

Bảng 3: Người thực hiện chính việc thực hiện chức năng tâm lý, tình cảm trong gia đình xét theo nhóm nghề nghiệp (tỷ lệ %)

Công việc	Phụ nữ nông dân			Phụ nữ công nhân			Phụ nữ công chức / viên chức		
	Vợ	Chồng	Cả hai	Vợ	Chồng	Cả hai	Vợ	Chồng	Cả hai
1. Liên kết các thành viên trong gia đình	38.1	2.6	59.1	26.0	5.0	69.0	35.0	5.6	59.3
2. Gắn gũi, chia sẻ	51.3	0.6	48.0	56.0	0	44.0	39.0	1.6	59.3
3. Kết nối quan hệ gia đình thân tộc	26.1	2.3	71.5	64.0	2.0	34.0	33.0	3.0	64.0

3.1.4. Vai trò của phụ nữ trong thực hiện chức năng kinh tế

Trong các gia đình ở Kiên Giang, vợ và chồng có vai trò như nhau trong việc sản xuất/lao động tạo thu nhập chiếm tỷ lệ cao nhất (56.7%). Tuy nhiên, vai trò của phụ nữ Kiên Giang ở công việc này chưa được khẳng định, họ là người thực hiện chính chiếm tỷ lệ thấp, chỉ bằng 1/5 so với tỷ lệ người chồng là người giữ vai trò chính. Mặc dù vậy, việc quản lý tài chính ở phần lớn các gia đình thì người vợ là người tay hòm chìa khóa (66,8%).



Biểu 4: Người thực hiện chính trong công việc sản xuất lao động tạo thu nhập và quản lý tài chính trong gia đình (tỷ lệ %)

Xét theo nhóm nghề nghiệp, đối với công việc sản xuất/lao động tạo thu nhập ở nhóm các gia đình có vợ là công chức/viên chức và công nhân, chiếm tỷ lệ phần lớn tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng có thu nhập như nhau, tiếp đến người chồng có thu nhập chính còn không có người vợ nào giữ trụ cột đóng góp về thu nhập; trong gia đình có vợ là nông dân có một số ít người vợ đã khẳng định phần nào vị trí của mình trong việc đóng góp thu nhập trong gia đình (4,5%).

Đối với việc quản lý tài chính trong gia đình, người vợ là nông dân và công chức/viên chức chiếm tỷ lệ cao hơn trong việc giữ tiền chi tiêu so với gia đình có vợ làm nghề công nhân.

Bảng 4: Người thực hiện chính trong công việc sản xuất lao động tạo thu nhập và quản lý tài chính trong gia đình xét theo nhóm nghề nghiệp (tỷ lệ %)

Công việc	Phụ nữ nông dân			Phụ nữ công nhân			Phụ nữ công chức /viên chức		
	Vợ	Chồng	Cả hai	Vợ	Chồng	Cả hai	Vợ	Chồng	Cả hai
1.Sản xuất/lao động tạo thu nhập	4.5	59.1	36.4	0.0	8.3	91.7	0.0	23.4	79.6
2.Quản lý tài chính	63.6	31.8	4.6	41.7	25	33.3	68.0	27.7	4.3

3.1.5. Vai trò của phụ nữ trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của xã hội phụ nữ Việt Nam nói chung và phụ nữ nông thôn nói riêng có sự nhận thức tiến bộ hơn về vai trò, vị thế của mình trong gia đình và xã hội. Phụ nữ không chỉ “đảm việc nhà” mà còn tham gia tích cực hơn vào

các hoạt động cộng đồng, vào các tổ chức đoàn thể, trong đó có Hội Phụ nữ. Thông qua các hoạt động cộng đồng, đoàn thể, phụ nữ nông thôn tự tin hơn trong cuộc sống, có cơ hội thể hiện tâm tư nguyện vọng, được hỗ trợ, giúp đỡ từ chính các tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương.

Kết quả khảo sát cho thấy, trong gia đình, người thường xuyên tham gia các hoạt động tại địa bàn dân cư, như dự hội nghị tiếp xúc cử tri, họp tổ nhân dân tự quản/tổ dân phố, dự sinh hoạt của đoàn thể, dự tuyên truyền pháp luật... phần lớn là phụ nữ tham dự. Tỷ lệ phụ nữ tham gia các hoạt động cộng đồng tại địa phương có sự khác nhau ở các nhóm phụ nữ, cụ thể: ở hầu hết các hoạt động, phụ nữ nông dân là người chủ yếu tham gia nhiều hơn so với 2 nhóm còn lại; gia đình mà vợ là công chức/viên chức có sự tham gia cùng chồng nhiều hơn.

Bảng 5: Vai trò của phụ nữ trong việc tham gia các hoạt động tại cộng đồng (tỷ lệ %)

Đối tượng	Dự Hội nghị tiếp xúc cử tri	Dự sinh hoạt tổ nhân dân tự quản	Tham dự sinh hoạt của Đoàn thể	Tham dự tuyên truyền pháp luật	Các cuộc họp khác
Chung					
Vợ	48.7	41.3	55.0	54.9	53.2
Chồng	31.3	38.8	21.8	22.3	26.6
Cả hai	19.9	19.9	23.1	22.8	20.1
Phụ nữ Nông thôn					
Vợ	50.6	53.0	76.6	56.6	55.0
Chồng	46.5	45.3	21.1	40.3	43.6
Cả hai	2.8	1.6	2.1	3.0	1.3
Phụ nữ Công nhân					
Vợ	56.0	37.0	40.0	62.0	69.0
Chồng	28.0	37.0	28.0	13.0	17.0
Cả hai	16.0	26.0	32.0	25.0	14.0
Phụ nữ công chức, viên, chức					
Vợ	39.6	34.0	48.3	46.0	35.6
Chồng	19.3	34.0	16.3	13.6	19.3
Cả hai	41.0	32.0	35.3	40.3	45.0

3.2 Quyền quyết định của phụ nữ trong gia đình

Nhìn vào bảng 6 cho thấy phần lớn các công việc trong gia đình đều do hai vợ chồng cùng bàn bạc và đi đến thống nhất, quyết định. Trong các lĩnh vực quyết định như quản lý thu, chi của gia đình, số con và thời gian sinh con, định hướng nghề nghiệp cho con, khám chữa bệnh thì tỷ lệ người vợ là người quyết định chính cao hơn so với tỷ lệ người chồng quyết định chính.

Điều đáng lưu ý, mặc dù người vợ là người thực hiện chính các công việc nhà (phân tích 3.1.1) và giữ thu chi chính trong gia đình (3.1.4) nhưng đối với việc quản lý, thu chi của gia đình thì người vợ quyết định chính chỉ chiếm 33.4%, người chồng quyết định chính là 14.8%, cả hai vợ chồng cùng quyết định là 51.8%. So với nghiên cứu của Trần Hạnh Minh Phương (2017) (nghiên cứu thực hiện trên nhóm khách thể với nghề nghiệp chính là trồng trọt 29.4%, làm thuê nông nghiệp 15.9%, buôn bán và dịch vụ 15%, trong khi viên chức chỉ chiếm 4.4%, chăn nuôi và tiểu thủ công nghiệp chỉ chiếm 1.9%, 33.4% còn lại không lao động tạo ra thu nhập do bệnh tật, đi học, làm nội trợ) cho thấy thì tỉ lệ người vợ là người có quyền quyết định chính trong chi tiêu hàng ngày cao hơn, cụ thể: vợ quyết định chính chiếm (80.6%), kể đến là hai vợ chồng cùng quyết định (9.7%), người chồng ít tham gia quyết định việc này (6.9%), con cái (0.9%) và người khác (1.9%). Nghiên cứu gần đây của Vũ Mạnh Lợi và cộng sự (2013) cho thấy, quyền quyết định của phụ nữ ngày càng tăng lên, hai vợ chồng cùng bàn bạc ra quyết định là hình thức phổ biến nhất đối với hầu hết các khía cạnh của đời sống gia đình. Tỷ lệ phụ nữ là người ra quyết định chính hay là người đồng ra quyết định chính cũng ngang bằng với nam giới ở những việc liên quan đến chăm sóc sức khỏe cho các thành viên và những hoạt động xã hội chung của cả hai vợ chồng. Điều này gợi ra rằng phụ nữ đang có xu hướng gia tăng ảnh hưởng của mình trong những hoạt động xã hội ngoài gia đình.

Bảng 6: Quyền quyết định của phụ nữ trong các công việc gia đình (tỷ lệ %)

Công việc	Quyền quản lý thu, chi của gia đình	Quyết định số con và thời gian sinh con	Định hướng nghề nghiệp cho con	Khám chữa bệnh	Đứng tên chủ hộ khẩu gia đình	Đứng tên giấy tờ đất/nhà
Chung						
Vợ	33.4	8.7	7.7	8.4	18.6	15.7
Chồng	14.8	2.3	2.9	2.0	43.0	32.1
Cả hai	51.8	89.1	89.5	89.5	38.0	51.7
Phụ nữ nông dân						
Vợ	50.3	5.6	5.0	11.0	14.5	12.5
Chồng	8.3	2.5	2.6	1.5	64.5	34.8
Cả hai	41.3	92.3	92.4	87.5	21.0	52.6

Công việc	Quyền quản lý thu, chi của gia đình	Quyết định số con và thời gian sinh con	Định hướng nghề nghiệp cho con	Khám chữa bệnh	Đứng tên chủ hộ khẩu gia đình	Đứng tên giấy tờ đất/nhà
Phụ nữ công nhân						
Vợ	18.0	8.0	6.0	5.0	9.0	11.0
Chồng	25.0	2.0	4.0	2.0	37.0	38.0
Cả hai	57.0	90.0	90.0	93.0	53.0	50.0
Phụ nữ CC/VC						
Vợ	32.0	12.6	12.0	9.3	32.3	23.6
Chồng	11.0	2.3	2.0	2.6	27.6	23.6
Cả hai	57.0	85.0	86.0	88.0	40.0	52.6

Kết quả nghiên cứu này cũng cho thấy với các công việc như: đứng tên chủ hộ khẩu gia đình và đứng tên giấy tờ đất/nhà thì tỷ lệ người chồng giữ vai trò quyết định chính cao hơn gấp gần 3 lần so với người vợ (Người chồng quyết định chính là 43.0% và 32.1% so với người vợ quyết định chính là 18.6% và 15.7%). Như vậy, mặc dù phụ nữ Kiên Giang có vai trò nhất định trong việc thực hiện các công việc nhà, chăm sóc con cái, thực hiện chức năng tâm lý tinh cảm, tham gia các hoạt động cộng đồng nhưng phải chăng do chưa khẳng định được vai trò tạo thu nhập chính nên việc quyết định những vấn đề lớn của gia đình vẫn chiếm tỷ lệ thấp.

Xét theo 3 nhóm phụ nữ, ở hầu hết các công việc, tỷ lệ về quyền quyết định của cả 2 vợ chồng ở nhóm phụ nữ công nhân cao hơn so với 2 nhóm phụ nữ nông dân và phụ nữ công chức/viên chức. Điều đó phần nào khẳng định trong gia đình phụ nữ công nhân có sự thống nhất và bàn bạc cao trong các quyết định.

Gia đình vợ là nông dân có sự chênh lệch khá rõ về quyền quyết định: người vợ chủ yếu quyết định các công việc liên quan đến quyền quản lý thu, chi của gia đình, quyết định số con và thời gian sinh con, định hướng nghề nghiệp cho con, khám chữa bệnh, còn phần lớn người chồng quyết định các công việc đứng tên chủ hộ khẩu gia đình, đứng tên giấy tờ đất/nhà. Đối với gia đình có vợ là công nhân, khi so sánh tỷ lệ vợ hay chồng quyết định chính các công việc trong gia đình thì người chồng chiếm tỷ lệ cao hơn ở hầu hết các công việc, ngay cả ở những công việc quản lý thu chi của gia đình - tương chừng như đó là việc của phụ nữ. Đối với gia đình có vợ là công chức/viên chức gần như không có sự chênh lệch về các quyết định lớn liên quan đến tài sản trong gia đình. Tuy nhiên người vợ có quyền quyết định nhiều hơn các công việc còn lại trong gia đình họ.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1 Kết luận

Kết quả từ nghiên cứu về vai trò của phụ nữ Kiên Giang trong gia đình thời kỳ mới ở ba nhóm đối tượng phụ nữ nông dân, phụ nữ công nhân, phụ nữ công chức/viên chức cho thấy: Nhìn chung việc lao động trong gia đình do phụ nữ đảm nhiệm chính, riêng phụ nữ là cán bộ, công chức, viên chức có sự chia sẻ của người chồng trong một số việc nhà, chăm sóc con; Ở các công việc như dạy con học và gắn kết các thành viên trong gia đình phụ nữ vẫn có vai trò 3 lần so với nam giới. Phụ nữ nông dân đã nhận được sự chia sẻ nhiều hơn việc dạy con học từ chồng so với các nhóm phụ nữ khác, trong khi đó phụ nữ công nhân được nhận được việc gắn kết các thành viên trong gia đình nhiều hơn các nhóm khác; Vai trò của phụ nữ Kiên Giang ở cả 3 nhóm đều chưa được khẳng định trong việc sản xuất/lao động tạo thu nhập mặc dù họ là người quản lý tài chính, tay hòm chìa khóa trong gia đình.

Phụ nữ Kiên Giang đã có tiếng nói hơn nam giới trong việc quyết định các vấn đề trong gia đình như quyền quản lý thu chi, quyết định số con và thời gian sinh con, định hướng nghề nghiệp cho con, khám chữa bệnh cho các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên trong những quyết định lớn trong gia đình như đứng tên chủ hộ hay đứng tên giấy tờ nhà đất chủ yếu vẫn là người chồng. Ở nhóm phụ nữ công chức/viên chức có sự bình đẳng với chồng trong các quyết định nhiều hơn so với 2 nhóm còn lại. Phải chăng khi phụ nữ đang có sự chênh lệch khá lớn với người chồng ở vai trò thực hiện chính trong công việc sản xuất tạo thu nhập cho gia đình thì họ chưa có tiếng nói và quyền quyết định những vấn đề lớn như đứng tên chủ hộ và đứng tên giấy tờ nhà đất.

4.2 Kiến nghị

Một là, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Kiên Giang tổ chức xây dựng các mô hình thí điểm bồi dưỡng kỹ năng chăm sóc, bảo vệ và xây dựng gia đình hạnh phúc trong thời kỳ mới cho phụ nữ theo 3 nhóm đối tượng phụ nữ nông dân, công nhân và công chức/viên chức; tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả đạt được qua thời gian thực hiện các mô hình thí điểm.

Hai là, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các giải pháp để góp phần nâng cao vai trò, vị thế, quyền quyết định của người phụ nữ trong gia đình thời kỳ mới đặc biệt chú ý đến việc nâng cao quyền quyết định những vấn đề lớn trong gia đình.

Ba là, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng chăm sóc, bảo vệ và xây dựng gia đình hạnh phúc cho cán bộ, hội viên, phụ nữ trong tỉnh.

Tài liệu tham khảo

Ban Bí thư khóa IX. (2005). *Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 21-02-2005 về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

Ban Bí thư khóa XII. (2018). *Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20-01-2018 về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới.*

-
- Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. (2017). *Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XII (nhiệm kỳ 2017-2022)*.
- Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Kiên Giang. (2016). *Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh lần thứ X (nhiệm kỳ 2016-2021)*.
- Bộ Chính trị khóa X. (2007). *Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27-4-2007 về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.
- Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh. *Báo cáo thực hiện Chiến lược quốc gia bình đẳng giới hành tinh Kiên Giang hàng năm (năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2018)*.
- Tổng cục Thống kê. (2016). *Số liệu thống kê Việt Nam 15 năm đầu thế kỷ XXI*
- Vũ Mạnh Lợi, ctv. (2013). Phân công lao động và quyền quyết định trong gia đình nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình & Giới*, số 1, tr.3-16.
- Trần Hạnh Minh Phương. (2017). Việc ra quyết định các vấn đề của gia đình ở đồng bằng sông Cửu Long trong mối quan hệ giới. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. Tập 50, Phần D:96-107.